

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/DS-ST
Ngày: 05 - 10 - 2018.
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Duy Khánh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Dư Thị Út**.

2. Ông **Thạch Hương**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Kép** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà **Lý Thể Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công Ki vụ án thụ lý số: 34/2018/TLST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56A/2018/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần VT.**

Trụ sở: đường L, phường L, Quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Lâm Linh K, sinh năm 1995.

Trú tại: ấp Huê 3, xã Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long, tỉnh B (Theo văn bản ủy quyền số 80/2017/UQ-GĐK-TDTD ngày 23/10/2017). (có mặt)

*** Bị đơn: Ông Quách Thường X** – sinh năm 1962;

Trú tại: khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh B. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/01/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng Thương Mại Cổ phần VT do ông Lâm Linh K đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 30/8/2014 Ngân hàng TMCP VT và ông Quách Thường X có ký kết hợp đồng tín dụng số 20140908-109008-0007, Ngân hàng cho ông X vay số tiền 21.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 05%/tháng, mục đích vay là để tiêu dùng cá

nhân. Theo hợp đồng, ông X có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 32.332.000 đồng, bao gồm cả gốc và lãi, thời hạn thanh toán trong vòng 18 tháng, 17 tháng đầu mỗi tháng trả 1.797.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.783.000 đồng, thanh toán vào ngày 12 hàng tháng, bắt đầu thanh toán từ ngày 12/10/2014. Ông X đã trả được cho Ngân hàng 07 lần với tổng số tiền 12.582.000 đồng, trong đó vốn là 6.082.078 đồng và lãi là 6.499.922 đồng, từ ngày 27/01/2016 đến nay ông X không thanh toán tiền còn lại cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng TMCP VT yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Quách Thường X có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ lại là 19.750.000 đồng, trong đó nợ gốc là 14.121.973 đồng và nợ lãi là 5.628.027 đồng. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời Ki ngày 07/9/2018, bị đơn ông Quách Thường X trình bày:

Ngày 30/8/2014 ông và Ngân hàng TMCP VT có ký kết hợp đồng tín dụng số 20140908-109008-0007, ông X vay số tiền 21.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 5%/tháng, mục đích vay là để tiêu dùng cá nhân. Theo hợp đồng, ông có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 32.332.000 đồng, bao gồm cả gốc và lãi, thời hạn thanh toán trong vòng 18 tháng, 17 tháng đầu mỗi tháng trả 1.797.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.783.000 đồng, thanh toán vào ngày 12 hàng tháng, bắt đầu thanh toán từ ngày 12/10/2014. Ông đã trả được cho Ngân hàng 07 lần với tổng số tiền 12.582.000 đồng, trong đó vốn là 6.082.078 đồng và lãi là 6.499.922 đồng, từ ngày 27/01/2016 đến nay do gặp khó khăn nên ông không thanh toán tiền còn lại cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng TMCP VT yêu cầu ông trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ lại là 19.750.000 đồng, trong đó nợ gốc là 14.121.973 đồng và nợ lãi là 5.628.027 đồng thì ông thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền này và đồng ý trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng, tuy nhiên do kinh tế khó khăn nên yêu cầu được trả dần cho đến khi dứt nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh B phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP VT về việc yêu cầu ông Quách Thường X trả số tiền 19.750.000 đồng, trong đó nợ gốc là 14.121.973 đồng và nợ lãi là 5.628.027 đồng .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy mục đích vay tiền để tiêu dùng cá nhân và bên vay ông Quách Thường X không có đăng ký kinh doanh, không thỏa mãn về điều kiện chủ thể trong quan hệ tranh chấp kinh doanh, thương mại nên đây là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Quách Thường X có địa chỉ cư trú tại khóm Đầu Lộ, phường Nhà Mát, thành phố B, tỉnh B nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn ông Quách Thường X được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng được ký kết ngày 30/8/2014, trong quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 27/01/2016 ông X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Đến ngày 18/01/2018, Ngân hàng TMCP VT nộp đơn khởi kiện nên căn cứ Điều 429 Bộ luật Tố tụng Dân sự là còn thời hiệu khởi kiện.

* Về nội dung vụ án:

[5] Ngày 30/8/2014, Ngân hàng TMCP VT với ông Quách Thường X có ký hợp đồng tín dụng số 20140908-109008-0007 vay số tiền 21.000.000 đồng. Bên vay đã nhận số tiền vay theo hợp đồng ký kết, việc ông X có ký kết hợp đồng và vay tiền của Ngân hàng là có xảy ra trên thực tế và các bên thống nhất thừa nhận. Tuy nhiên ông X không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nên đã vi phạm nghĩa vụ của người vay. Do đó, Ngân hàng TMCP VT khởi kiện ông X là có cơ sở. Ngân hàng cung cấp chứng cứ là Hợp đồng tín dụng có chữ ký của ông X.

Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP VT yêu cầu ông X trả số nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 20140908-109008-0007 được giao kết giữa Ngân hàng và khách hàng vay là ông X có thể hiện đầy đủ địa chỉ cụ thể của khách hàng, số tiền vay, mục đích vay, thời hạn vay tiền, thời điểm trả nợ, phương thức trả và các điều khoản khác được các bên thỏa thuận; hợp đồng được các bên tự nguyện ký kết, hình thức tuân thủ đúng quy định, nội dung thỏa thuận của các bên là phù hợp và không trái quy định nhưng khách hàng vay đã vi phạm hợp đồng, không thực hiện đúng thỏa thuận đã giao kết trong hợp đồng; ông X chỉ thanh toán cho Ngân hàng được số tiền vốn 6.082.078 đồng và một phần lãi với số tiền 6.499.922 đồng, ông X còn nợ tiền gốc 14.121.973 đồng và tiền lãi tính theo hợp đồng là 5.628.027 đồng.

Bị đơn cũng thống nhất với nguyên đơn về quá trình ký kết, thực hiện hợp đồng, thống nhất với Ngân hàng về số nợ và đồng ý thanh toán nợ cho Ngân hàng. Do các đương sự thống nhất số tiền nợ theo hợp đồng đã ký kết nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông X về số tiền vay gốc, lãi suất theo quy định tại Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

[6] Về án phí: theo khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định: “*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*”. Ông X phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền 19.750.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng là: 19.750.000 đồng x 5% = 987.500 đồng.

Ngân hàng TMCP VT không phải chịu án phí, nên được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần VT.

Buộc ông Quách Thường X có trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần VT số tiền nợ gốc là 14.121.973 đồng và nợ lãi là 5.628.027 đồng, tổng vốn và lãi là 19.750.000 đồng (mười chín triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Ông Quách Thường X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng từ ngày 05/10/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Quách Thường X phải nộp 987.500 đồng (Chín trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần VT không phải chịu án phí, Ngân hàng được nhận lại 493.000 đồng (Bốn trăm chín mươi ba ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 007970 ngày 06/02/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B.

3/. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công Ki, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/10/2018). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- TAND tỉnh B;
- VKSND Tp. B;
- CCTHADS Tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa án;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Duy Khánh